

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN TOÁN LỚP 10

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Mệnh đề. Tập hợp	Mệnh đề toán học. Mệnh đề phủ định. Mệnh đề đảo. Mệnh đề tương đương. Điều kiện cần và đủ.	2												2			38%
		Tập hợp và các phép toán trên tập hợp	2			2	2				1				4	2	1	
2	Bất phương trình-Hệ bất	Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	1												1			

	phương trình bậc nhất hai ẩn.	và ứng dụng														
		Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn và ứng dụng							1						1	
3	Hệ thức lượng trong tam giác	Giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0 .	1										1			
		Hệ thức lượng trong tam giác. Định lý côsin. Định lý sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác.							1						1	
4	Vector (6 tiết)	Vector, các phép toán (tổng và hiệu hai	2		2	2			1				4	2	1	42%

		<i>vecto, tích của một số với vecto, tích vô hướng của hai vecto) và một số ứng dụng trong Vật lí</i>															
5	PP Toạ độ trong mặt phẳng (7 tiết)	<i>Toạ độ của vecto đối với một hệ trục toạ độ. Biểu thức toạ độ của các phép toán vecto. Ứng dụng vào bài toán giải tam giác</i>	2		2	1	1		1				4	2	1		
6	Các số đặc trưng của mẫu số liệu	<i>Số gần đúng - Sai số</i>	1									1				20%	
		<i>Các số đặc trưng đo xu thế trung</i>	1		1	2			1			2	3				

	không ghép nhóm (7 tiết)	tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm																
		Các số đặc trung đo độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm			1								1					
Tổng số câu			12	0	0	8	7	1	0	2	4	0	0	0	20	9	5	34
Tổng số điểm			3.0	0.0	0.0	2.0	1.75	0.25	0.0	1.0	2.0	0.0	0.0	0.0	4.0	3.0	4.0	10.0
Tỉ lệ %			30		40		30					30	40	30	100			

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Mệnh đề. Tập hợp	Mệnh đề toán học. Mệnh đề phủ định. Mệnh đề đảo. Mệnh đề tương đương. Điều kiện cần và đủ.	Biết: – Phát biểu được mệnh đề phủ định. – Xác định được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản.	2TD											
		Tập hợp và các	Biết: – Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập	2TD			2TD	2GQ				1MHH			

		<i>phép toán trên tập hợp</i>	hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu $\subset, \supset, \emptyset$. Hiểu: –Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao) trong trường hợp đơn giản.												
2	Bất phương trình- Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn.	<i>Bất phương trình bậc nhất hai ẩn và ứng dụng</i>	Biết: – Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn.	1TD											
		<i>Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn và ứng dụng</i>	Vận dụng: Vận dụng được kiến thức về bất phương trình, hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).									1MHH			

3	Hệ thức lượng trong tam giác	<i>Giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0.</i>	Biết: – Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0^0 đến 180^0 .	1TD										
		<i>Hệ thức lượng trong tam giác. Định lí côsin. Định lí sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác.</i>	Vận dụng: – Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).								1MHH			

4	Vector (6 tiết) <i>Vector, các phép toán (tổng và hiệu hai vector, tích của một số với vector, tích vô hướng của hai vector) và một số ứng dụng trong Vật lí</i>	<i>Biết:</i> – Nhận biết được các cơ bản khái niệm vector, vector bằng nhau. – Nhận biết được vector bằng nhau. – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng bằng vector. – Nhận biết hai vector cùng phương. <i>Hiểu:</i> – Mô tả được những tính chất hình học trung điểm của đoạn thẳng bằng vector. – Thực hiện được các phép toán trên vector. <i>Vận dụng:</i> – Sử dụng được vector và các phép toán trên vector để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn	2TD			2TD	2GQ				1MHH		
---	---	--	-----	--	--	-----	-----	--	--	--	------	--	--

			đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...).												
5	PP Tọa độ trong mặt phẳng (7 tiết)	<i>Toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ.</i> <i>Biểu thức toạ độ của các phép toán vector.</i> <i>Ứng dụng vào bài toán giải</i>	<i>Biết:</i> – Nhận biết được toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ. – Nhận biết được khái niệm tích vô hướng của hai vec tơ. <i>Hiểu:</i> – Tính góc giữa hai vector. – Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vector trong tính toán toạ độ trung điểm, trọng tâm tam giác, chu vi tam giác.... – Sử dụng được biểu thức toạ độ của các phép toán vector trong tính toán.	2TD			2TD	1GQ	1MHH		1GQ				

		<i>tam giác</i>	Vận dụng: - Vận dụng được kiến thức để chứng minh tam giác vuông. – Vận dụng được kiến thức về tọa độ của vectơ để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>)												
6	Các số đặc trưng của mẫu số liệu không ghép nhóm (7 tiết)	<i>Số gần đúng - Sai số</i>	Biết: – Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối. Hiểu:	1TD											
		<i>Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không</i>	Biết: – Xác định một của mẫu số liệu. – Xác định cỡ mẫu của mẫu số liệu cho trước. Hiểu: - Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số	1TD			1 TD	2GQ			1GQ				

		ghép nhóm	trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>),											
		Các số đặc trưng đo độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm	Biết: xác định khoảng biến thiên của mẫu số liệu không ghép nhóm. Vận dụng: – Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: phương sai, độ lệch chuẩn.				1 GQ							
		Tổng số câu		12	0	0	8	7	1	0	2	4		
		Tổng số điểm		3.0	0.0	0.0	2.0	1.75	0.25	0.0	1.0	2.0		
		Tỉ lệ %		30			40			30				